

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN CAO HỌC

Ngày thi: 20/03/2022

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	20834030135	Ngô Thế	Anh	10.08.1990	5,5	8,0	8,0	6,0	7,0	
2	20834030134	Nguyễn Quang	Anh	19.02.1993	5,0	5,5	8,0	6,0	6,0	
3	20858020107	Nguyễn Tuấn	Anh	10.02.1990	7,0	5,5	8,0	7,0	7,0	
4	20831050101	Nguyễn Thị	Bích	4.12.1983	7,5	8,0	7,0	7,5	7,5	
5	20834030136	Lê Mạnh	Cường	18.05.1998	7,5	8,5	9,0	7,5	8,0	
6	20848010102	Phạm Tiến	Cường	3.4.1982	7,0	9,0	8,0	6,5	7,5	
7	20842010301	Phan Mai	Chi	25.9.1997	7,5	8,0	9,0	7,0	8,0	
8	20844010301	Hoàng Văn	Chín	3.4.1978	7,5	9,0	7,0	7,0	7,5	
9	20848010101	Lê Thị	Chung	02.9.1984	6,5	7,5	8,5	8,0	7,5	
10	20844010302	Phan Thị	Dân	6.5.1983	8,0	8,0	7,0	6,0	7,5	
11	20864010201	Lâm Thị Hoàng	Dung	20.6.1997	8,0	9,0	8,0	7,5	8,0	
12	20834030137	Hà Mạnh	Dũng	05.12.1998	6,0	8,5	8,0	6,0	7,0	
13	20848010103	Vũ Văn	Dũng	20.4.1983	7,5	8,5	8,5	6,5	8,0	
14	20844011401	Trịnh Hữu	Dũng	04.8.1983	8,0	8,0	7,0	7,0	7,5	
15	20822901309	Hà Quang	Dự	12.04.1978	6,5	7,5	5,0	7,0	6,5	
16	20858020108	Lê Như	Dương	20.06.1988	7,0	7,0	6,5	6,5	7,0	
17	20862011001	Nguyễn Trọng	Dương	05.11.1995	6,5	8,5	7,0	7,0	7,5	
18	20831050102	Lê Thị	Đạm	21.3.1985	7,5	8,0	8,5	7,0	8,0	
19	20848010104	Lê Thùy	Giang	14.5.1985	8,0	8,0	9,0	7,0	8,0	
20	20844010303	Trần Văn	Hà	21.7.1978	6,5	7,5	8,0	6,0	7,0	
21	20842010304	Bùi Thị	Hà	02.3.1996	8,0	8,5	6,0	6,5	7,5	
22	21858020102	Lê Văn	Hải	27.04.1979	5,0	8,5	8,5	7,5	7,5	
23	20844011402	Nguyễn Minh	Hải	20.7.1982	8,0	8,0	8,0	6,5	7,5	
24	20862011002	Nguyễn Việt	Hải	05.01.1995	6,0	8,5	7,0	6,5	7,0	
25	20844011403	Trần Thị	Hạnh	23.6.1984	7,5	8,0	8,5	6,5	7,5	
26	20842010302	Trịnh Hữu	Hạnh	23.10.1982	7,0	7,5	8,0	7,0	7,5	
27	20846011301	Nguyễn Thị	Hạnh	17.7.1998	7,0	8,0	7,0	6,5	7,0	
28	20834030138	Lê Thị Thúy	Hiền	03.05.1998	7,0	8,5	9,0	7,5	8,0	
29	20844010308	Mai Thị	Hiếu	15.09.1979	6,5	8,0	8,0	8,0	7,5	
30	20844011404	Hoàng Ngọc	Hoàng	12.8.1980	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
31	20842010303	Đào Thị	Hồng	28.9.1982	8,0	8,0	8,0	6,0	7,5	
32	20831050103	Lê Công	Hợp	20.3.1979	8,0	8,0	7,5	8,0	8,0	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
33	20864010202	Phạm Tiến	Hùng	03.2.1983	6,5	9,0	7,0	7,0	7,5	
34	20834030141	Trịnh Ngọc	Huy	26.09.1990	7,0	8,0	8,5	6,5	7,5	
35	20834030142	Nguyễn Thanh	Huyền	14.08.1998	7,5	8,5	9,0	6,5	8,0	
36	20834030139	Lê Mạnh	Hung	09.11.1998	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
37	20858020109	Trịnh Xuân	Hung	12.09.1980	7,0	7,5	7,0	6,5	7,0	
38	20864010203	Hoàng Thị	Hung	14.4.1988	6,0	8,5	6,0	7,0	7,0	
39	20834030140	Phạm Thị	Hương	01.09.1981	5,0	8,0	7,5	8,0	7,0	
40	20848010106	Lê Thị Thu	Hương	10.4.1984	7,0	8,5	8,0	6,5	7,5	
41	20848010105	Phạm Thị Quỳnh	Hương	3.11.1981	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	
42	20864010204	Lê Diễm	Hương	29.7.1983	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	
43	21858020103	Trần Ngọc	Khoa	22.10.1991	7,0	8,0	4,5	6,5	6,5	
44	20822901301	Đặng Thị	Lan	08.10.1984	7,0	9,0	8,0	6,0	7,5	
45	20822901310	Lê Thị	Lan	13.01.1981	8,0	9,0	8,0	6,0	8,0	
46	20848010108	Nguyễn Thị Thu	Lan	3.6.1984	7,0	8,5	6,5	6,5	7,0	
47	20864010205	Hoàng Thị	Lan	05.10.1981	7,0	8,0	7,0	7,0	7,5	
48	20844011405	Lê Đình	Lâm	02.9.1980	7,0	8,0	7,0	6,0	7,0	
49	20848010109	Lê Anh	Lân	02.8.1982	7,0	8,5	8,0	5,5	7,5	
50	20834030143	Lê Phú	Linh	29.04.1993	6,0	8,5	7,0	6,0	7,0	
51	20846011302	Phạm Mai	Linh	09.9.1997	7,0	8,0	6,0	6,5	7,0	
52	20862011003	Lê Thị Hoài	Linh	12.01.1998	6,5	8,5	7,0	7,0	7,5	
53	20822901302	Tạ Thị	Loan	09.6.1994	5,0	8,5	6,0	5,0	6,0	
54	20844011406	Phan Thị	Loan	10.8.1981	7,0	8,0	7,5	5,0	7,0	
55	20848010110	Cao Văn	Luyện	6.3.1984	7,0	8,0	7,0	7,0	7,5	
56	20834030144	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	05.02.1990	7,0	8,0	7,0	7,0	7,5	
57	20844010309	Nguyễn Thị	Mai	13.04.1987	7,5	8,5	6,5	7,5	7,5	
58	20862011004	Hà Thị	Mai	03.01.1983	7,0	8,0	6,5	8,0	7,5	
59	21858020108	Nguyễn Trọng	Minh	12.03.1995	5,5	8,0	7,5	7,5	7,0	
60	20848010111	Nguyễn Thành	Nam	28.8.1982	8,0	8,5	6,5	8,5	8,0	
61	20822901304	Hứa Thị	Ngãi	20.10.1981	8,0	9,0	6,0	7,0	7,5	
62	20844010304	Nguyễn Văn	Nghĩa	26.6.1981	8,0	7,0	7,0	7,0	7,5	
63	20834030145	Lê Thị	Ngọc	13.04.1989	8,0	7,0	6,0	7,0	7,0	
64	20844010305	Nguyễn Đăng	Nguyên	30.01.1984	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	
65	20822901305	Lương Thị	Nhát	02.06.1984	8,0	9,5	5,5	6,5	7,5	
66	20844010306	Lê Thị	Phượng	02.9.1987	8,0	7,5	6,5	6,5	7,0	
67	20822901306	Ngô Thị	Phượng	23.09.1987	7,5	7,5	6,0	8,0	7,5	
68	20844010310	Nguyễn Văn	Quang	15.01.1981	8,0	7,5	4,0	6,5	6,5	
69	20864010206	Nguyễn Huy	Quang	05.5.1978	8,0	7,0	6,5	7,0	7,0	
70	20834010140	Nguyễn Văn	Quý	10.10.1983	8,0	7,5	3,0	8,5	7,0	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
71	20848010116	Phan Thanh	Quyền	25.11.1980	8,0	7,5	8,0	6,5	7,5	
72	20864010207	Phạm Thế	Quyết	29.6.1980	8,0	7,5	6,0	7,0	7,0	
73	20834030148	Đông Thị	Quỳnh	12.06.1986	8,5	7,0	5,0	7,0	7,0	
74	20834030147	Nguyễn Thị	Quỳnh	28.08.1988	7,5	8,0	5,5	7,0	7,0	
75	20831050104	Phạm Văn	Sáng	10.02.1984	7,0	8,5	5,0	7,0	7,0	
76	21858020105	Nguyễn Hữu	Tâm	20.04.1987	7,0	7,0	6,0	7,0	7,0	
77	20848010117	Nguyễn Minh	Tâm	14.03.1990	8,0	7,0	7,5	8,0	7,5	
78	20862011005	Phạm Đức	Tân	26.03.1996	8,0	7,0	3,5	6,5	6,5	
79	20834030152	Nguyễn Văn	Tiến	11.03.1989	6,5	7,0	7,0	7,0	7,0	
80	20858020111	Trần Văn	Tiến	15.02.1989	7,5	7,5	5,5	7,5	7,0	
81	21858020107	Lê Văn	Tuân	26.09.1983	8,0	6,5	4,5	7,0	6,5	
82	21858020109	Phạm Văn	Tuân	06.05.1995	8,5	6,5	5,5	7,0	7,0	
83	20848010119	Nguyễn Anh	Tuân	09.01.1972	7,5	7,0	6,0	7,5	7,0	
84	20844011410	Lê Anh	Tuân	14.10.1984	7,0	6,5	7,0	6,5	7,0	
85	20844011411	Đỗ Anh	Tuân	18.8.1982	7,0	7,0	6,5	6,5	7,0	
86	20862011007	Cầm Thị	Tuân	12.10.1982	8,0	6,0	5,5	7,0	6,5	
87	20834030153	Bùi Minh	Tùng	11.03.1986	8,5	7,5	4,5	7,0	7,0	
88	20834030154	Lê Thanh	Tùng	07.07.1996	7,5	7,0	6,0	7,0	7,0	
89	20862011008	Đình Huy	Tuyến	10.07.1984	7,0	6,0	6,0	7,5	6,5	
90	20844011407	Lê Hoàng	Thanh	09.01.1996	7,0	8,0	6,0	8,0	7,5	
91	20834030150	Bùi Ngọc	Thành	19.09.1979	8,0	7,5	3,5	7,5	6,5	
92	20831050105	Tổng Văn	Thành	01.01.1983	8,0	7,0	5,5	8,5	7,5	
93	20844010307	Trịnh Văn	Thành	10.10.1983	6,5	8,0	7,5	8,0	7,5	
94	20842010306	Quách Thị	Thảo	03.5.1996	7,0	6,5	5,5	8,0	7,0	
95	20834030149	Hoàng Văn	Thắng	18.07.1985	8,0	6,5	5,5	8,0	7,0	
96	20848010112	Phạm Quang	Thắng	12.01.1984	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
97	20842010305	Nghiêm Mạnh	Thắng	10.5.1977	7,5	8,0	6,0	9,0	7,5	
98	20822901307	Phạm Chí	Thọ	02.03.1978	9,0	5,5	4,5	9,0	7,0	
99	20858020110	Bùi Đình	Thông	06.02.1974	5,5	6,5	4,5	8,5	6,5	
100	20834030151	Nguyễn Mỹ Hương	Thu	23.07.1991	7,0	7,0	8,0	9,0	8,0	
101	20822901303	Trần Thị	Thu	28.9.1984	7,5	7,0	5,0	8,0	7,0	
102	20846011303	Nguyễn Thị	Thu	03.4.1991	7,5	7,5	7,5	8,0	7,5	
103	20846011304	Trần Thị	Thu	05.9.1984	6,5	7,5	5,5	8,0	7,0	
104	20864010208	Hà Thị	Thu	13.5.1989	6,5	7,5	6,0	8,0	7,0	
105	20844011408	Nguyễn Đình	Thuận	09.8.1985	8,0	7,5	8,0	9,0	8,0	
106	20846011305	Nguyễn Thị	Thủy	06.01.1986	8,0	6,5	6,0	8,5	7,5	
107	20844011409	Nguyễn Thị	Thúy	07.8.1983	7,5	8,0	5,5	9,0	7,5	
108	20848010118	Lê Phi	Thường	03.08.1986	8,0	6,5	5,5	8,5	7,0	

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
109	20862011006	Bùi Thị	Trang	23.11.1984	7,5	6,5	6,0	8,0	7,0	
110	21858020106	Phùng Văn	Trường	08.08.1986	7,0	7,5	8,0	8,5	8,0	
111	20862011009	Lê Thị	Vân	08.06.1986	8,5	8,5	5,5	9,5	8,0	
112	20858020112	Nguyễn Hữu	Vinh	19.05.1987	6,5	8,5	5,5	8,5	7,5	
113	20848010113	Lê Văn	Vinh	26.4.1984	7,5	7,5	5,5	8,0	7,0	
114	20848010114	Nguyễn Xuân	Vĩnh	3.4.1974	7,5	8,0	6,5	8,5	7,5	
115	20846011306	Nguyễn Văn	Vương	15.6.1989	7,0	8,0	7,5	8,5	8,0	
116	20858020113	Nguyễn Thị	Xinh	02.09.1980	7,0	6,5	5,0	8,5	7,0	
117	20822901308	Lê Thị	Xuân	22.01.1984	7,5	7,5	7,0	8,0	7,5	

**KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Thị Mai

THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Lê Đình Nghiệp

